

Bản án số: **245/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phong Phi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Lê Văn Phu**

Bà **Nguyễn Thị T Ái**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm: 1976.

- *Bị đơn:* Ông **Đinh Văn T**, sinh năm: 1976.

Cùng cư trú: ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, An Giang.

(Bà H có mặt; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà **Đỗ Thị Hồng** khởi kiện xin ly hôn với ông **Đinh Văn T** với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi tự vệ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn cách nay gần hai năm. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên gây cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Hai

người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống hai người có 04 con chung Đinh Thị Tiến, sinh ngày 18/02/1992 đã trưởng thành; tên Đinh Văn Mãi, sinh năm 1994 đã trưởng thành; Đinh Văn Thái, sinh ngày 07/10/2003; Đinh Gia Bảo, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang sống chung trong gia đình, bà H thống nhất giao 02 cháu Đinh Văn Thái, sinh ngày 07/10/2003; Đinh Gia Bảo, sinh ngày 10/5/2013 cho ông T nuôi;

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Ông Đinh Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Đúng như lời trình bày của bà H. Ông bà tự tìm hiểu yêu nhau trước rồi được tự về chung sống với nhau vào năm 1990, đến nay không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc chỉ phát sinh mâu thuẫn cách nay gần 02 năm. Nguyên nhân do sống không hợp nhau, bà H có quan hệ bên ngoài nên làm mất tình cảm vợ chồng. Ông bà ly thân nhau hơn 02 năm nay. Nay xét thấy có trở về chung sống cũng không còn hạnh phúc, nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về quan hệ con chung: Như bà H trình bày, ông bà có 04 con chung, 02 cháu Tiến, Mãi đã trưởng thành, khi ly hôn ông yêu cầu nuôi cháu hai cháu Thái và Bảo, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông T theo quy định.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bà H và ông T có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[ 1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của

ông T không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do tự tìm hiểu nhau, tự về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái, huyện An Phú ngày 27/02/2020, do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà H xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, ông T trình bày vợ chồng đã ly thân gần hai năm nay do bà H có quan hệ bên ngoài nên làm mất tình cảm vợ chồng. Nay bà H xin ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Ông xác định hiện nay vẫn còn hộ khẩu thường trú tại ấp đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú và chưa chuyển đi nơi khác.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại bà H và ông T xác định là không còn tình cảm với nhau nữa và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với nhau. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm.

Tuy nhiên đến nay cả hai vẫn chưa đăng ký kết hôn, Tòa án Quyết định áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố: Không công nhận bà H và ông T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Bà H và ông T khai có 04 con chung Đinh Thị Tiến, sinh ngày 18/02/1992 đã trưởng thành; tên Đinh Văn Mãi, sinh năm 1994 đã trưởng thành; Đinh Văn Thái, sinh ngày 07/10/2003; Đinh Gia Bảo, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang sống chung trong gia đình, bà H thống nhất giao 02 cháu Đinh Văn Thái, sinh ngày 07/10/2003; Đinh Gia Bảo, sinh ngày 10/5/2013 cho ông T nuôi; Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu được nuôi con chung Đinh Gia Bảo tuy nhiên qua giải thích của Hội đồng xét xử bà đồng ý để con chung cho ông T tiếp tục nuôi dạy.

[4] Về quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Đinh Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao hai cháu Đinh Văn Thái, sinh ngày 07/10/2003; Đinh Gia Bảo, sinh ngày 10/5/2013 cho ông T nuôi;

Công nhận tự nguyện của ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000962 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà H đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phong Phi**

